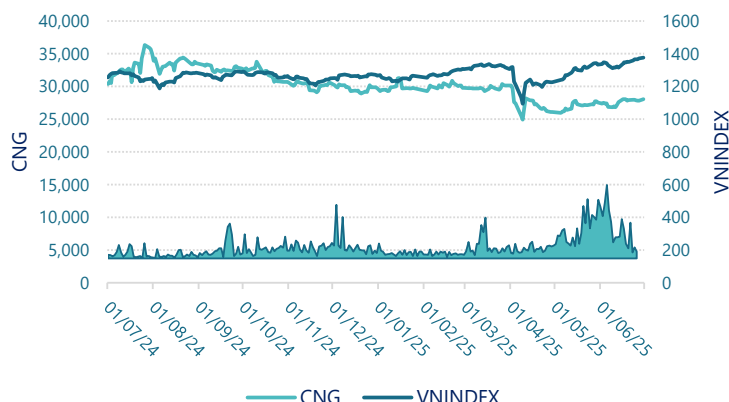


CTCP CNG Việt Nam (HSX: CNG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	29,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,333
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,930
SL cổ phiếu LH	35,099,298
KLGD BQ 20 phiên (CP)	87,275
% sở hữu nước ngoài	1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,027
P/E	12.3
EPS	2,375

DT thuần

Q2/25

1,095

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 245 | 28.8%

YoY: ▲ 255 | 30.4%

LN sau thuế

Q2/25

37.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 35.9 | 2673%

YoY: ▼ 7.40 | -16.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

4.4%

+/- YoY: ▼ 2.3%

DT thuần

6T 2025

1,945

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 473 | 32.2%

LN sau thuế

6T 2025

38.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 7.40 | -16.2%

ROE

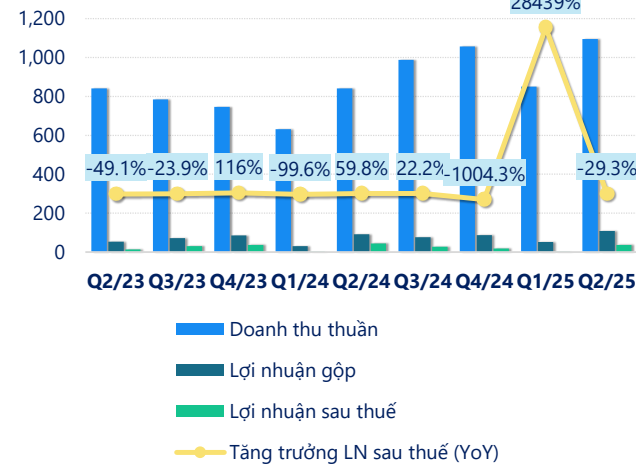
Q2/25

13.7%

+/- YoY: ▼ 6.1%

tỷ VNĐ

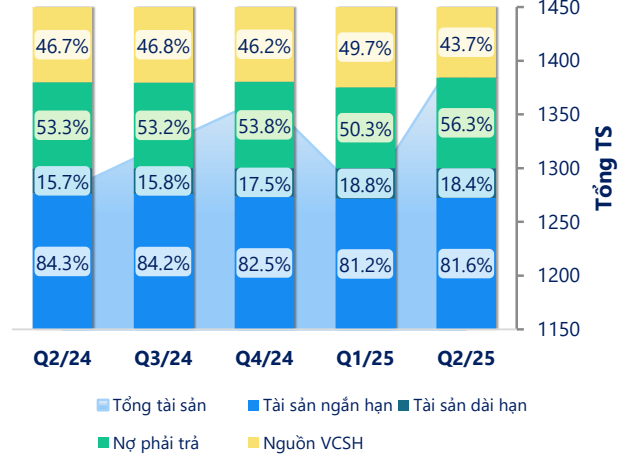
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

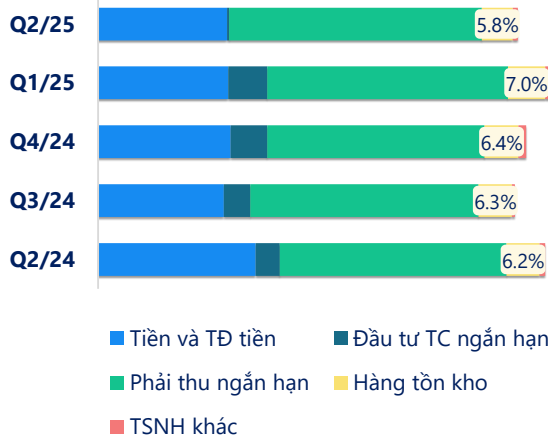
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



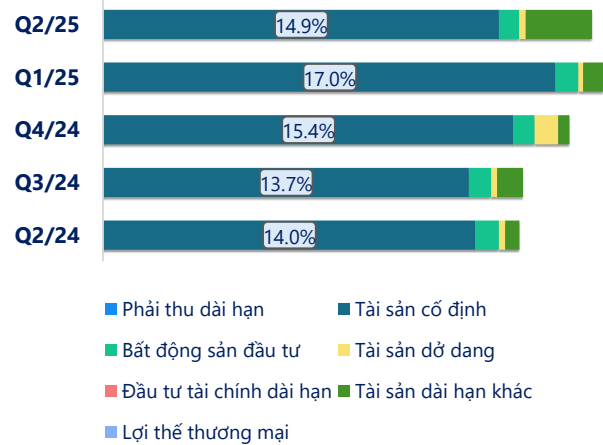
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

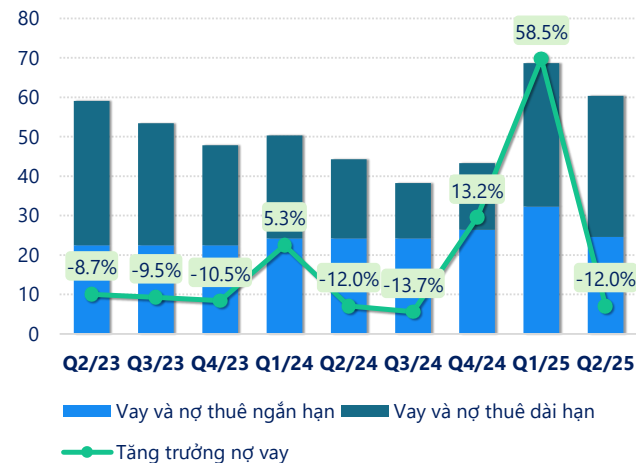
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

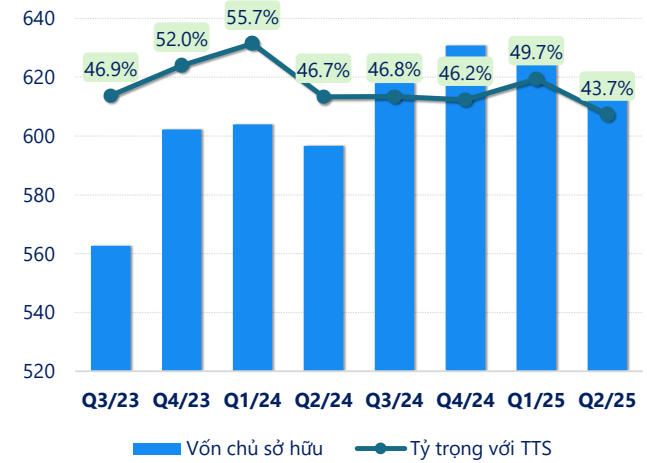
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

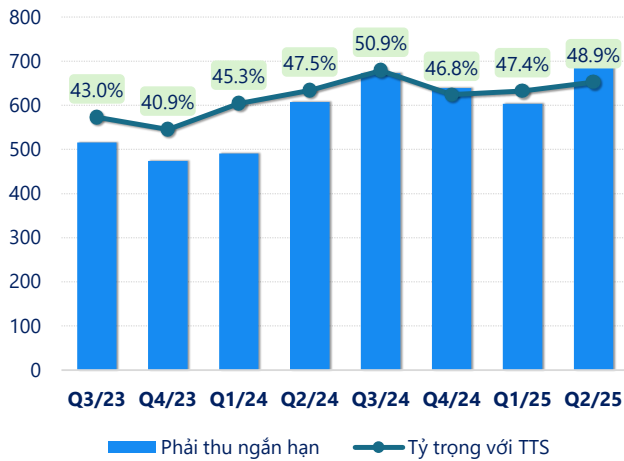
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



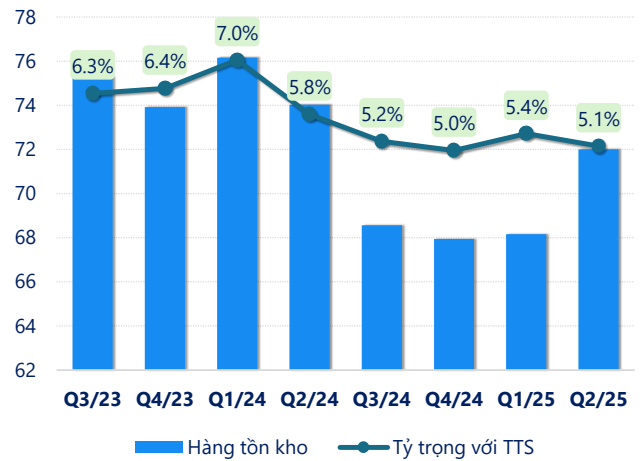
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


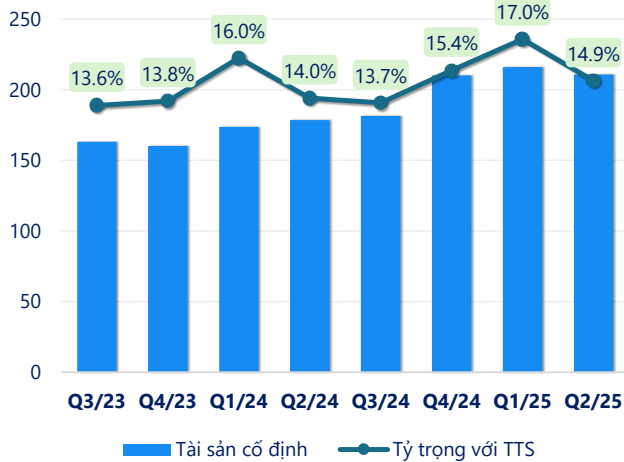
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


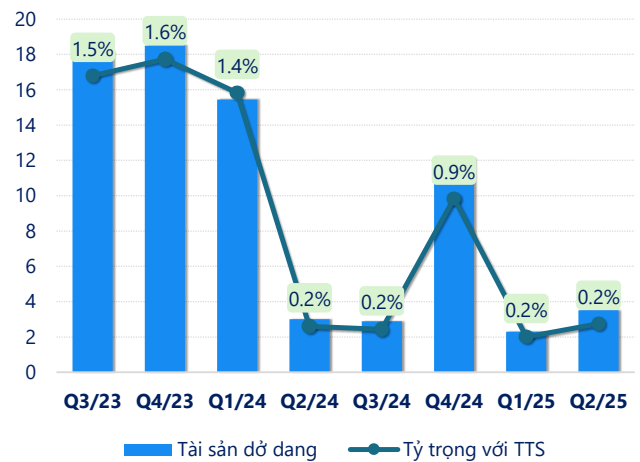
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

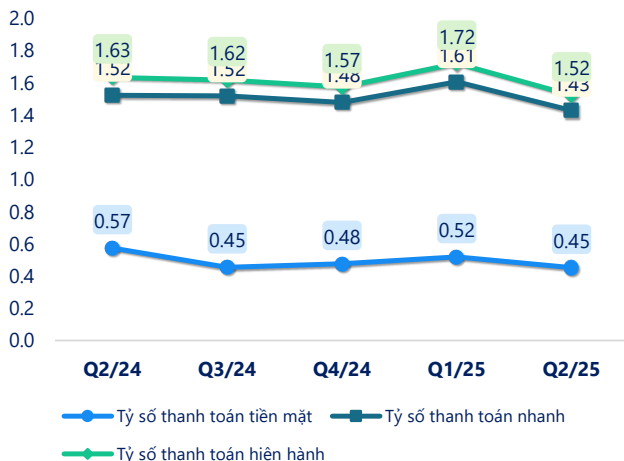
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

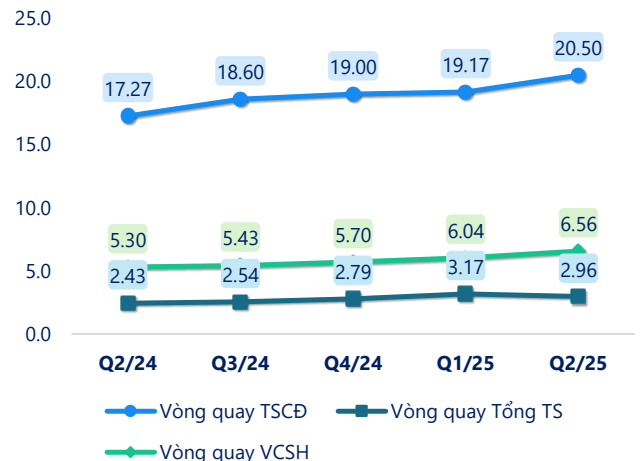
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,277	1,322	1,365	1,272	1,419
Tài sản ngắn hạn	1,077	1,113	1,126	1,033	1,158
Tiền và tương đương tiền	378	313	341	311	344
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	50.3	50.3	34.3	34.3
Phải thu ngắn hạn	607	673	639	603	694
Hàng tồn kho	74.0	68.6	68.0	68.2	72.0
Tài sản ngắn hạn khác	12.6	8.43	27.8	15.6	13.1
Tài sản dài hạn	200	209	240	239	261
Phải thu dài hạn	0.33	0.33	0.53	0.53	0.53
Tài sản cố định	179	182	210	216	211
Bất động sản đầu tư	11.3	11.2	11.1	11.0	10.8
Tài sản dở dang	3.00	2.89	12.1	2.29	3.51
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6.86	12.9	5.78	9.63	35.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	681	704	735	640	799
Nợ ngắn hạn	659	688	715	600	760
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.2	24.2	26.4	32.3	24.6
Phải trả người bán ngắn hạn	481	472	627	467	570
Nợ dài hạn	21.7	16.0	19.5	39.6	39.2
Vay và nợ thuê dài hạn	20.1	14.0	16.9	36.3	35.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	597	618	631	632	620
Vốn chủ sở hữu	597	618	631	632	620
Vốn điều lệ	351	351	351	351	351
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)